TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN G **----------*----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2021/DS-ST
Ngày 13/01/2021.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm.

2. Ông Đoàn Văn Quang.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* **Ông Ngô Trung Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 270/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Võ Thị P**, sinh năm xxxx (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Th, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: **Phạm Thị Mộng G** (tên thường gọi là H), sinh năm xxxx (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Th, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 10/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị P trình bày:* Vào năm 2019, bà có tham gia nhiều phần hụi do chị G làm đầu thảo. Đến tháng 03/2020 âm lịch, chị G vỡ hụi nên vào ngày 30/4/2020 âm lịch, bà và chị G có viết biên nhận tổng kết nợ: chị G còn nợ bà 123.200.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng chị G trả bà 5.000.000 đồng tiền vốn và 500.000 đồng tiền lãi nhưng sau đó chị G chỉ trả cho bà được 12.000.000 đồng tiền vốn và 2.000.000 đồng tiền lãi, đến tháng 06/2020 âm lịch thì ngưng đến nay. Nay bà yêu cầu chị G trả lại bà số tiền hụi còn nợ là 111.200.000 đồng,

yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị Mộng G trình bày:* Vào năm 2019, bà P có tham gia góp nhiều phần hụi do chị có làm đầu thảo, nay chị không nhớ rõ các phần hụi cụ thể. Đến tháng 3/2020 âm lịch, chị vỡ hụi nên chị và bà P có làm biên nhận thỏa thuận thống nhất, chị còn nợ bà P số tiền hụi là 123.200.000 đồng, mỗi tháng chị sẽ trả 5.000.000 đồng tiền vốn và 500.000 đồng tiền lãi cho bà P nhưng chị trả đến tháng 6/2020 âm lịch được 12.000.000 đồng tiền vốn và 2.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng do chị không có khả năng trả tiếp. Nay chị đồng ý trả lại bà P số tiền hụi còn nợ là 111.200.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc chị G có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền hụi còn nợ là 111.200.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa bà P và chị G là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà P yêu cầu chị G có nghĩa vụ trả số tiền là 111.200.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Nhận thấy, tại phiên tòa, chị G thừa nhận còn nợ bà P số tiền 111.200.000 đồng do kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ nhưng bà P không đồng ý. Do chị G đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà P. Do đó, yêu cầu của bà P là có cơ sở, phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị G có nghĩa vụ trả lại bà P số tiền còn nợ là 111.200.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Về yêu cầu trả lãi, bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị G có nghĩa vụ trả nợ nên chị G phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bà P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** <u>Xử:</u> Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P.**

- Buộc chị Phạm Thị Mộng G có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị P số tiền là 111.200.000 đồng *(Một trăm mười một triệu hai trăm nghìn đồng),* khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị G chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị G phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị G phải chịu án phí là 5.560.000 đồng *(Năm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

+ Hoàn lại bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.825.000 đồng *(Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0018114 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

<u>Nơi nhận:</u>
- VKSND huyện GCĐ;
- CC THADS huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An